TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **424/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2018
Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình
giữa anh Nguyễn Văn N
và chị Trần Thị G

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thái Thịnh.

2. Bà Dương Thị Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Bàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2018/TLST - HNGĐ, ngày 31/7/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 18/10/2018; quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 07/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị G, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai, anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh và chị Trần Thị G kết hôn năm 2001, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 12 năm 2001 tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn T, xã V, huyện S. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc,

nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm về kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Từ năm 2010 anh chị sống ly thân không quan tâm chăm sóc gì tới nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn không thể hòa giải được, không thể tồn tại gia đình hạnh phúc nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị G.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2002 và cháu Nguyễn Khánh C, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2008, hiện nay các cháu đang ở cùng anh. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị Trần Thị G đến để giải quyết vụ án nhưng chị G đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị G vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Nguyễn Văn A (trú tại thôn T, xã V, huyện S) là bố đẻ của anh N thì anh N và chị G có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới anh chị làm ăn sinh sống tại thôn TT, xã V, huyện S. Khoảng hơn một năm sau đó thì anh chị lên thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang làm ăn. Năm 2010 thì chị G đi xa mà không nói cho gia đình biết chị đi đâu, làm gì. Khoảng năm 2011 thì anh N cùng hai cháu Đ, C về thôn T, xã V, huyện S sinh sống. Anh N và chị G cũng ly thân nhau từ năm 2010 đến nay. Hiện nay, chị G đi đâu làm gì thì gia đình ông cũng không nắm rõ được.

Theo lời khai của ông Trần Đình D (trú tại thôn B, xã V, huyện S) là bố đẻ của chị G khai khoảng hơn một năm sau ngày cưới thì anh chị N G lên thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang làm ăn và sống cùng vợ chồng ông. Trong quá trình chung sống thì anh N chị G có những mâu thuẫn, xích mích trong nội bộ gia đình nhưng không đánh cãi chửi nhau to tiếng để chính quyền địa phương phải can thiệp. Khoảng năm 2010 chị G đi làm thì anh N và chị G cũng ly thân từ đó đến nay. Hiện nay, chị G đang đi làm ăn xa nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể, gia đình ông cũng không nắm được chị G ở đâu. Gia đình ông có biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh N chị G và có báo cho chị G nhưng chị G không về giải quyết được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Trần Thị G; giao cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2002 và cháu Nguyễn Khánh C, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2008 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cung cấp của Công an xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thì chị Trần Thị G có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện S. Chị G đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị G đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng chị G vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị G kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2010 nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn N là xử cho anh N được ly hôn với chị Trần Thị G.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị G có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2002 và cháu Nguyễn Khánh C, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2008. Xét thấy, các cháu còn nhỏ, hiện đang ở cùng anh N; chị G cũng không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao các cháu Đ, C cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn N không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Trần Thị G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2002 và cháu Nguyễn Khánh C, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2008 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000552 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Trần Thị G không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã V(SD-TQ);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai